

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T,
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 247/2020/HNGĐ-ST
Ngày 04 tháng 9 năm 2020
Vv: “Xin ly hôn, T/c về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Vĩnh Mậu

Bà Phạm Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Quang -Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2020 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1142/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 1375/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T1, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph1, xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định.

Bị đơn: Anh Lê Kim Đình Ph, sinh năm 1985, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph1, xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 02 năm 2020, các bản khai và tại phiên Tòa hôm nay nguyên đơn chị Lê Thị T1 trình bày: Chị và anh Lê Kim Đình Ph tìm hiểu rồi tự nguyện đi đến hôn nhân, chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định vào ngày 17 tháng 02 năm 2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Ph không đi làm ăn, suốt ngày ngồi quán, không phụ vợ để trang trải cuộc sống gia đình. Khi chị nói đến thì bị anh đánh đập nhiều lần. Nhiều lần chị và gia đình

khuyên can nhưng chồng không chịu đi làm. Chính vì vậy chị yêu cầu ly hôn với anh Ph vì người chồng thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình.

Về quan hệ nuôi con chung: Giữa chị và anh Ph có hai con chung tên là Lê Kim Thanh Ng, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2003, Lê Kim Thanh Nh, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009, hai con hiện đang ở với chị. Nếu được ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Giữa chị và anh Ph có tài sản chung tự giải quyết. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị. Ngoài ra chị T1 không khai và không yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn Lê Kim Đình Ph vắng mặt tại phiên tòa. Mặc dù Tòa án nhân dân huyện T đã tiến hành xác minh, thực hiện việc tổng đạt và niêm yết nhiều lần theo quy định pháp luật nhưng bị đơn anh Ph vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày gì nên Tòa không thể xem xét. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ quy định tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình còn bị đơn không chấp hành Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 được ly hôn với anh Ph, giao hai con chung cho chị T1 nuôi dưỡng, chị T1 không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị Tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án mà bị đơn là anh Lê Kim Đình Ph cư trú tại Thôn Ph1, xã Ph3, huyện T, tỉnh Bình Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa nhưng anh Lê Kim Đình Ph vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Ph.

[2] Về nội dung vụ án:

[2].1 Xét yêu cầu của chị Lê Thị T1 xin ly hôn anh Lê Kim Đình Ph thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Giữa chị Lê Thị T1 và anh Lê Kim Đình Ph tự nguyện chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 02 năm 2005 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Lộc, huyện T, tỉnh Bình Định nên hôn nhân giữa chị T1 và anh Ph là hợp pháp. Theo chị T1 khai trong thời gian sống chung, anh chị thường xuyên mâu thuẫn vì anh Ph không chịu đi làm ăn, mà suốt ngày ngồi quán, không chịu phụ vợ lo gánh

vác trang trải kinh tế gia đình, ngoài ra anh Ph còn đánh đập chị. Trong khi đó Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục về việc xin ly hôn củachị T1 tại địa phương anh Ph cư trú nhưng anhPhương vẫn không đến Tòa, cũng không có bản trình bày ý kiến. Điều này chứng tỏ anh Ph không mong muốn vun đắp cuộc hôn nhân này. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai củachị T1 và biên bản xác minh cho thấy tình trạng hôn nhân giữchị T1 và anh Ph đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị T1 được ly hôn anh Ph.

[2].2 Về quan hệ nuôi con: Chị T1 và anh Ph có hai con chung tên là Lê Kim Thanh Ng, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2003, Lê KimThanh Nh, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009, hai con hiện đang ở với chị. Naychị T1 yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với nguyện vọng của hai con nên được Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, giao hai con chung chochị T1 trực tiếp nuôi dưỡng.chị T1 không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

[2].3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T1 được ly hôn anh Lê Kim Đình Ph.

[2] Về quan hệ nuôi con: Giao con chung của chị T1 và anh Ph tên là Lê Kim Thanh Ng, sinh ngày 13 tháng 7 năm 2003, Lê KimThanh Nh, sinh ngày 26 tháng 9 năm 2009, cho chị Lê Thị T1 trực tiếp nuôi dưỡng, hiện nay hai con đang sống cùng vớichị T1.chị T1 không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung:chị T1 không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị T1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn để sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiền tạm ứng án phíchị T1 đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003489, ngày 11 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được khấu trừ án phí.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

-Các bên đương sự
-VKSND huyện T
-Chi cục THADS huyện T
-Phòng GDKT TAND tỉnh Bình Định .
-UBND xã Ph3
(Số 22, ngày 17/02/2005);
-Lưu hồ sơ .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Thủy

